TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2026/HS-ST
Ngày: 17-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tôn Thất Quý;

Bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Đoàn Văn Ngọc T, tên gọi khác: T1, sinh ngày 12/9/1993, tại thành phố H; Căn cước công dân số: 046093006061; nơi thường trú: Số F L, phường P, thành phố H; nơi ở hiện tại: Tổ G, Khu V, phường A, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Đ và bà Lê Thị Hồng H; sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Ly N và có 01 con, sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 02 tháng 11 năm 2011, bị Phòng Cảnh sát điều tra về tội phạm về ma túy, Công an tỉnh T2 (cũ) xử phạt 750.000 đồng về hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy", theo Quyết định số 17/QĐ-XPH.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 15/10/2025 cho đến nay. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ G, Khu V, phường A, thành phố H và bà Lê Thị Hồng H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố H.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Đình H1 - Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn L1; địa chỉ: Số B P, phường T, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn Ngọc T là đối tượng thuộc diện đang trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ ngày 03/6/2025 đến ngày 03/12/2025, theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H. Tuy nhiên, ngày 18/9/2025 với mục đích muốn có ma túy để sử dụng và thông qua mạng xã hội, T liên lạc rồi đi đến Kiệt D đường T, phường T, thành phố H, gặp một nam thanh niên tên "Chức" hỏi mua 04 (bốn) viên ma túy dạng hồng phiến với giá 150.000 đồng. Sau khi có được ma túy, T cất giấu trên người rồi mang số ma túy trên về nhà và sử dụng hết một mình tại nhà tắm của mình. Ngày 26/9/2025, Công an phường A, thành phố H tiến hành xét nghiệm chất ma túy thì phát hiện nước tiểu của Đoàn Văn Ngọc T dương tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định hóa pháp số 2342/PY-XNĐH ngày 02 tháng 10 năm 2025, của V, kết luận:

- Tìm thấy Methamphetamine trong mẫu máu của Đoàn Văn Ngọc T. Không tìm thấy các chất ma túy khác nêu trên.

- Tìm thấy A, Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Đoàn Văn Ngọc T. Không tìm thấy các chất ma túy khác nêu trên.

Tại Kết luận giám định tâm thần số 2431/25/KLGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, của Trung tâm P1, kết luận đối tượng Đoàn Văn Ngọc T:

- Trước thời điểm ngày 18/9/2025:

+ Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn thâm thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy, mức độ vừa (F19.5-ICD-10).

+ Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm ngày 18/9/2025:

+ Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn thâm thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy, mức độ vừa (F19.5-ICD-10).

+ Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại:

+ Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn thâm thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy, mức độ vừa (F19.5-ICD-10).

+ Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vì: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Mẫu máu tĩnh mạch đựng trong ống nghiệm chuyên dụng và mẫu nước tiểu đựng trong lọ nhựa, nắp đỏ niêm phong trong túi NS3A04499. Có chữ ký của Đoàn Văn Ngọc T, Đặng Hoàng S, Đặng Văn P.

Hiện, mẫu máu và mẫu nước tiểu đã dùng hết trong quá trình xét nghiệm.

Tại bản cáo trạng số: 89/CT-VKSKV1 ngày 26 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Đoàn Văn Ngọc T về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn Ngọc T phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 256a, các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn Ngọc T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

- Về án phí: Buộc bị cáo Đoàn Văn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn Ngọc T trình bày luận cứ bào chữa: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế, truy tố bị cáo về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo quy định tại các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 năm tù giam.

Bị cáo Đoàn Văn Ngọc T thống nhất với ý kiến bào chữa của người bào chữa; các bị cáo không có ý kiến bào chữa hay tranh luận bổ sung gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Đoàn Văn Ngọc T là đối tượng thuộc diện đang trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng từ ngày 03/6/2025 đến ngày 03/12/2025, theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H. Tuy nhiên, vào ngày 18/9/2025 T vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 26/9/2025, Công an phường A, thành phố H tiến hành xét nghiệm thì phát hiện Đoàn Văn Ngọc T dương tính với chất ma túy.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Đoàn Văn Ngọc T về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy rằng: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, trực tiếp gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của con người và góp phần làm gia tăng các vi phạm pháp luật khác, nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, nhưng không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi theo quy định tại các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá trên, xét thấy cần xử phạt bị cáo Đoàn Văn Ngọc T bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo; cần phải xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cho bị cáo có cơ hội để tu dưỡng, rèn luyện và môi trường phù hợp để thực hiện việc cai nghiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, có căn cứ và thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Đoàn Văn Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn Ngọc T phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 256a, các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Ngọc T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam là ngày 15/10/2025.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đoàn Văn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Huế;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Trại tạm giam CA thành phố Huế;
- Bị cáo; NĐDHP của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hiếu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**